

Tập 158

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi:

(Sao) Tự biến giả, dĩ tâm biến nhất thiết xứ, tức thị nhất nhất thừa sự, vô không quá giả. Cổ Duy Ma kinh ngôn: “Vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường”.

(鈔) 自遍者，以心遍一切處，即是一一承事，無空過者，故維摩經言：無前無後，一時供養。

(Sao: “Tự trọn khắp”: Do tâm trọn khắp hết thảy mọi nơi, nên thừa sự mỗi một [vị Phật], chẳng bỏ sót. Vì thế, kinh Duy Ma nói: “Chẳng trước, chẳng sau, cúng dường cùng lúc”).

Đây là giải thích câu “tự tánh tự biến” trong lời Sớ. Lý luận này là sự thật. Tự tánh là bản tánh của chúng ta, mà cũng là chân tánh, nó “*biến nhất thiết xứ*” (trọn khắp hết thảy mọi nơi), có thể nói hết thảy vạn pháp đều do tự tánh biến hiện. Vì thế, pháp này và pháp nọ nhất định phải dung thông, nhất định là giao hòa, viên dung. Chúng ta động một niệm, người khác có thể biết, Phật, Bồ Tát thảy đều biết. Không chỉ là Phật, Bồ Tát biết, mà người nào tâm thanh tịnh cũng đều biết, nguyên lý là vì “tâm là một”. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã sánh ví tâm tánh của chúng ta như biển cả, sánh ví mỗi chúng sanh như một bọt nước trong biển. Biển là toàn thể, bọt nước sanh từ biển. Bọt nước ví như chúng sanh, phá tan bọt nước bèn thành Phật. Đã vỡ tan, bèn cùng biển cả hòa thành một Thể, mỗi bọt nước trong biển cả đều là Thể của quý vị! Nói cách khác, bọt nước ví như vọng tưởng, chấp trước. Quý vị có vọng tưởng, chấp trước, tức là kết thành một bọt nước trong biển cả, ngỡ bọt nước ấy là chính mình, chẳng biết biển cả là chính mình. Ngày nào quý vị phá tan phân biệt, chấp trước, giống như phá vỡ bọt nước, mới biết toàn thể biển cả là chính mình, nên chẳng có pháp nào quý vị không hiểu rõ, không có tâm niệm của người nào quý vị không biết. Đó là ý nghĩa “*tự biến*” được nói ở đây.

Do đó, thật sự biết chân tướng sự thật, người ta quyết định chẳng tạo ác! Biết chân tướng sự thật, liền biết trạng huống nhân quả trong mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Đến tột cùng là chuyện như thế nào? Vì sao có mười pháp giới? Vì sao có lục đạo? Vì sao có thiện đạo? Vì sao có ác đạo? Quý vị thảy đều hiểu rõ ràng. Khi ấy, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác, tự

nhiên liên tương ứng với Tánh Đức. Tánh Đức là thuần thiện, chẳng ác, thiện ở đây không phải là thiện trong “thiện, ác”. Thiện trong “thiện, ác” vẫn là ác, vẫn chưa phải là thiện thật sự. Thiện thật sự và pháp tánh hoàn toàn khế hợp, đây mới là thiện thật sự.

Trên thực tế, “*thừa sự*” (承事) chính là ba nguyện đầu trong mười nguyện của kinh Hoa Nghiêm, tức là lễ kính, khen ngợi, cúng dường, ba chuyện ấy. Ba nguyện ấy đều là “*thừa sự*” ở nơi đây. Hiểu đạo lý này, mới hiểu vì sao đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát có thể đầy áp pháp giới, đối tượng [của các nguyện ấy] là hữu tình và vô tình tận hư không khắp pháp giới, chẳng sót một ai. Do vì tự tánh trọn khắp, đạo lý là như vậy. Những lý được nói ở đây, chúng ta là phàm phu, đừng nói là phàm phu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát đều làm không được. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đại nguyện của Ngài mới viên mãn. Do điều này có thể biết, nếu không vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đâu có mười đại nguyện ấy, nhưng mười đại nguyện không thể viên mãn. Đạo lý gì vậy? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự tánh mới hoàn toàn hiển lộ, mới có thể tận tánh. Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng làm được. Vì thế, trong hội Hoa Tạng, Đẳng Giác Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát, còn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bồ Tát đã nói lý do rất rõ ràng: Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười đại nguyện vương mới viên mãn. Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong thế giới Hoa Tạng, mười đại nguyện vương vẫn chưa viên mãn. Thật sự là tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới đến tột cùng, chẳng còn gì hơn được nữa! Phổ Hiền Bồ Tát tán thán, chứ chẳng phải ai khác!

“*Duy Ma kinh ngôn: - Vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường*” (Kinh Duy Ma nói: “Chẳng có trước, có sau, cúng dường cùng một lúc”). Nói thật ra, mười phương và ba đời đều chẳng có, tận hư không khắp pháp giới là một Thể. Kinh Hoa Nghiêm giảng về Nhất Chân pháp giới, nên quý vị mới có thể cúng dường cùng một lúc. “*Nhất thời*” thì đương nhiên chẳng có trước hay sau!

(Diễn) Duy Ma kinh, Thiện Đức trưởng giả ngôn: “Ức niệm ngã tích, tự u phụ xá, thiết đại thí hội, cúng dường nhất thiết. Kỳ mãn thất nhật, Duy Ma Cật lai nhập hội trung, vị ngã ngôn: “Trưởng giả tử! Phù đại thí hội, bất đương như nhữ sở thiết, đương vi pháp thí chi hội, hà dụng tài thí hội vi”. Ngã ngôn: “Cư sĩ! Hà vi pháp thí chi hội?” Cật ngôn: “Pháp thí hội giả, vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường”.

(演) 維摩經善德長者言，憶念我昔，自於父舍，設大施會，供養一切，期滿七日，維摩詰來入會中，謂我言：長者子，夫大施會，不當如汝所設，當為法施之會，何用財施會為。我言居士，何為法施之會。詰言，法施會者，無前無後，一時供養。

(Diễn: Trong kinh Duy Ma, trưởng giả Thiện Đức nói: - Con nhớ xưa kia, ở nơi nhà cha con, lập hội đại thí, cúng dường hết thầy. Mãn bảy ngày, ngài Duy Ma Cật vào trong hội, bảo con: “Này ông trưởng giả! Phàm là hội đại thí, chớ nên làm như ông, hãy nên làm hội pháp thí, sao lại dùng tiền tài để làm hội đại thí?” Con nói: “Thưa cư sĩ! Pháp thí hội nên làm như thế nào?” Ngài Duy Ma Cật nói: “Pháp thí hội là không có trước, chẳng có sau, cùng lúc cúng dường”).

Đối với câu này, trích dẫn một câu chuyện xưa [để giải thích], Phật môn gọi là “*công án*”. Trong kinh Duy Ma có nói trưởng giả Thiện Đức, trưởng giả là tại gia cư sĩ, tuổi cao, đức trọng, có địa vị, của cải, lại có trí huệ, nên được tôn xưng là trưởng giả. Đối với người tại gia tu hành, hai chữ này (trưởng giả) là cách xưng hô cung kính nhất. Ông ta nói: Trong quá khứ, con ở cùng một chỗ với cha – “*Phụ xá*” là nhà của cha – lập hội đại thí, để bố thí, cúng dường. Bố thí, cúng dường là tài bố thí, cúng dường hết thầy. Nói cách khác, ăn, mặc, đi, ở, hết thầy vật chất cần dùng cho cuộc sống, ông ta đều bố thí. Nếu quý vị thiếu thốn, đến nơi đó, ông ta đều cúng dường quý vị. Hội ấy kéo dài bảy ngày, ông ta tu [bố thí] bảy ngày, suốt bảy ngày cúng dường trọn khắp. Cư sĩ Duy Ma nghe ông ta lập đại hội bố thí ở nơi đó, cũng đến. Cư sĩ Duy Ma đến đó, chẳng phải vì thiếu thốn gì, mà cũng chẳng đòi hỏi ông ta phải thí xả chút gì. Ngài Duy Ma chỉ dạy, nói: “*Trưởng giả tử!*” Trưởng giả Thiện Đức khi đó ở cùng một chỗ với cha, cha ông ta cũng là trưởng giả, nên gọi ông ta là “*trưởng giả tử*” (con ông trưởng giả). “*Trưởng giả tử*” ở đây là trưởng giả Thiện Đức, đó là một ý nghĩa. Ý nghĩa thứ hai là đối với cổ nhân Trung Quốc, chữ Tử là cách xưng hô kính trọng một nam nhân, giống như nay chúng ta nói là “*tiên sinh*”. Chúng ta gọi Khổng Tử, Mạnh Tử, tức là Khổng tiên sinh, Mạnh tiên sinh, cũng có thể giải thích [chữ “trưởng giả tử”] là “*trưởng giả tiên sinh*”, đó là lời lẽ tôn kính. Vì vậy, từ ngữ này có hai ý nghĩa, đều có thể nói xuôi tai, đều có thể nói rất viên mãn.

Cư sĩ liền bảo ông ta: “*Đại thí hội*”, tức đại hội bố thí, “*bát đương như nhữ sở thiết*” (chớ nên làm như ông đã làm). Ông cúng dường những

thứ vật chất như ăn, uống, đi, ở, chẳng có ý nghĩa to lớn cho lắm. Ông đã phát tâm bố thí, hãy nên tu Pháp Bố Thí, “*đương vi pháp thí chi hội, hà dụng tài thí hội vi*” (hãy nên làm pháp thí hội, sao lại làm hội tài thí). Vì sao ông muốn thực hiện tài bố thí? Vì sao không hành Pháp Bố Thí? Dụng ý rất sâu! Tài bố thí chỉ có thể giải quyết nhu cầu cấp thiết trong một lúc. Nay tôi chẳng có cơm ăn, quý vị cúng dường tôi một bữa ăn. Tôi chẳng có quần áo để mặc, quý vị cúng dường tôi một bộ quần áo. Đó là giải quyết nhất thời, không thể giải quyết vĩnh cửu! Pháp Bố Thí là dạy người ta khai trí huệ, dạy người ta có năng lực mưu sinh. Quý vị cúng dường tiền tài, chẳng bằng truyền dạy họ kỹ thuật. Con người có một kỹ năng sở trường, hơn hẳn có của cải rất nhiều! Người ấy đi đến đâu cũng có năng lực kiếm sống. Nói thực tại, của cải có thể mất đi bất cứ lúc nào, hễ mất đi thì làm thế nào đây? Nguồn sống bị đoạn tuyệt, nên chẳng bằng có trí huệ, có năng lực. Trí huệ và năng lực đều thuộc về Pháp Bố Thí. Do đó, Tài Bố Thí chẳng bằng Pháp Bố Thí. Quý vị thấy kinh Kim Cang so sánh, “bố thí bảy báu khắp tam thiên đại thiên thế giới” chẳng bằng “giải nói bốn câu kệ Đại Thừa Phật pháp cho người khác!” Kinh Kim Cang đã giảng về công đức, lợi ích của Tài Bố Thí và Pháp Bố Thí hết sức thấu triệt. Cư sĩ Duy Ma khuyên ông ta (trưởng giả Thiện Đức) tu Pháp Bố Thí. Đề nghị ấy hay lắm, ông ta cũng biết, nhưng nên thực hiện như thế nào? Ông ta thỉnh giáo cư sĩ Duy Ma: “*Ngã ngôn cư sĩ, hà vi pháp thí chi hội*” (Con nói: “Thưa cư sĩ! Pháp thí hội làm như thế nào?”), pháp thí hội hãy nên thực hiện ra sao? “*Cật ngôn*” nghĩa là cư sĩ Duy Ma Cật liền nói: “*Pháp thí hội giả, vô tiền vô hậu, nhất thời cúng dường*” (Pháp thí hội là không có trước, có sau, cúng dường cùng một lúc). Mấy câu này trong kinh Duy Ma đã được Liên Trì đại sư trích dẫn [trong lời Sao].

(Diễn) Thích viết: *Phù dĩ phương hội nhân, bất khả dĩ nhất tức kỳ, dĩ tài tế vật, bất khả dĩ nhất thời châu, thị dĩ hội thông vô ngưng giả, di luân nhi bất lậu. Pháp trạch minh bị giả, bất dịch thời nhi đồng phú, cố năng tức vô cương vi nhất hội, nhi đạo vô bất nhuận dã.*

(演) 釋曰：夫以方會人，不可以一息期，以財濟物，不可以一時周，是以會通無隅者，彌綸而不漏；法澤冥被者，不易時而同覆，故能即無疆為一會，而道無不潤也。

(Diễn: Giải thích rằng: Phạm dùng phương tiện để giúp đỡ người khác, không thể là một kỳ hạn rồi thôi. Dùng tiền tài giúp muôn vật, chẳng thể chỉ một lúc là trọn vẹn. Do vậy, bèn viên dung vô ngại, bèn trọn khắp

chẳng sót, pháp trạch ngâm gia bị, luôn luôn cùng che chở, nên “chẳng có ngăn hạn” là một hội, đạo không gì chẳng nhuần thấm).

“*Dĩ phương hội nhân*”: “*Phương*” (方) là phương tiện, Phật môn thường nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa*”. Nói chung, phải tạo phương tiện cho người khác, tạo phương tiện cho người khác bất cứ khi nào, bất cứ chỗ nào, không thể là một kỳ hạn nhất định. Kỳ hạn cố định thì quý vị bố thí cũng chẳng thể nào rộng giúp chúng sanh. Nhằm ngay lúc này, người ấy chẳng thể đến; hoặc ngay trong lúc này, người ấy chẳng thiếu thốn. Khi người ấy thiếu thốn, hội của quý vị đã kết thúc, hoặc là hội bố thí của quý vị còn chưa thực hiện, đều chẳng thể giải quyết vấn đề. Do vậy, nhất định phải hiểu phương tiện, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, làm như vậy mới viên mãn, mới thật sự có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Nhất là trong tông này, Tiểu Bản và Đại Bản chỉ là nói rộng hay lược khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Pháp môn này do đức Như Lai “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (ban cho chúng sanh lợi ích chân thật); nếu chẳng mở cửa phương tiện, nhất định sẽ có lúc chẳng đạt được lợi ích.

Gần đây nhất, có những đồng tu phát tâm, phát thanh bộ kinh này trên đài truyền thanh, các đồng tu hỏi tôi: “Giảng xong bộ kinh này, thầy lại giảng gì?” Vẫn là giảng bộ kinh này. Hy vọng bộ kinh này được phát thanh lặp đi lặp lại không ngừng, có lợi ích rất lớn! Bộ kinh này hay lắm, chỉ giảng một lần, sau khi nghe xong, những người sau này chẳng có duyên này, đáng tiếc lắm! Phải hiểu kinh này là kinh bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, lưu chuyển vĩnh viễn không gián đoạn. Tôi trọn chẳng bảo quý vị đem băng thâu âm lời tôi giảng bộ kinh này phát thanh trên radio, mà là mong [hãy phát thanh băng] đọc kinh, mỗi ngày đều có thể [phát sóng tiếng] tụng kinh Vô Lượng Thọ một lần trên đài phát thanh, khiến cho mỗi người khi mở radio đều có thể nghe kinh Vô Lượng Thọ, công đức ấy to lớn. Nhưng hiện thời giảng kinh cũng được, trước hết, dạy họ hiểu đạo lý, biết đến chỗ tốt đẹp của kinh này. Tôi hy vọng kinh này sau khi được phát thanh hai, ba lượt, chẳng cần phải nghe giảng nữa, hãy niệm kinh cho nhiều!

Nếu mọi người lại phát tâm, có tài lực, hãy thuê thời gian [phát thanh] trên đài truyền thanh để chuyên niệm Phật hiệu, niệm Nam-mô A Di Đà Phật suốt một giờ, chuyên niệm Phật hiệu, không cần phải giảng, là được rồi! Đúng là công đức vô lượng, lợi ích thật sự vô cùng nhiều! Nếu mọi người nghe, niệm kinh theo, nếu họ muốn biết ý nghĩa của kinh, sẽ bảo họ, ở chỗ nào chúng ta có băng thâu âm giảng kinh có thể tặng cho

họ, chính họ tìm bằng thân âm để nghe. Chư vị phải hiểu lợi ích chân thật chính là “*dĩ phương hội nhân*” đang được nói ở đây. “*Bất khả dĩ nhất tức kỳ, dĩ tài tế vật, bất khả dĩ nhất thời châu*” (không thể là một kỳ hạn rồi thôi. Dùng tiền tài giúp muôn vật, chẳng thể chỉ một lúc là trọn vẹn), “*châu*” (周) là “*châu biến*” (周遍: trọn khắp), khiến cho mọi người được lợi ích trọn khắp, chẳng thể nào có chuyện ấy [nếu chỉ làm một lúc].

“*Thị dĩ hội thông vô ngưng*” (Do vậy, bèn viên dung vô ngại), “*ngưng*” là “*phương ngưng*” (方隅: bốn phương và bốn góc, nghĩa rộng là “giới hạn”), “*hội thông vô ngưng*” nghĩa là viên dung vô ngại. “*Di luân nhi bất lậu, pháp trạch minh bị giả*” (Trọn khắp chẳng sót, pháp trạch ngầm gia bị) “*pháp trạch*” là Phật pháp, “*minh*” (冥: ngấm ngấm, âm thầm) là được Phật pháp un đúc mà không hay không biết, đó là pháp lực gia trì. “*Bất dịch thời nhi đồng phú*” (Luôn luôn cùng che rợp), “*phú*” (覆) là giống như ngày Hè nắng gắt, có một cây to rợp bóng mát rượi, có ý nghĩa “che rợp”, mà cũng là gia trì, gia hộ. “*Cố năng tức vô cương vi nhất hội*” (Cho nên có thể lấy “không ngăn hạn” làm một hội), “*vô cương*” (無疆) là tận hư không khắp pháp giới, một hội ấy tương ứng với tâm tánh, như trong phần trước đã nói là “*tâm biến nhất thiết xứ*” (tâm trọn khắp hết thấy các chỗ). Tâm trọn khắp hết thấy các chỗ, hễ động một thiện niệm, tận hư không khắp pháp giới, hết thấy hữu tình chúng sanh bèn là thiện tương cảm thiện; ác niệm cũng cảm ứng giống như thế. Nghĩ đến chỗ này, rét run, lông tóc dựng cả lên, thật đáng sợ! Nói thật ra, chúng sanh mê hoặc, điên đảo, chẳng hiểu chân tướng sự thật. Chúng tôi thường viện dẫn Đại Kinh có nói những người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), nay chúng ta nhất cử, nhất động, khởi tâm động niệm, chẳng có gì không biết. Đừng nói là Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm là người tâm thanh tịnh, cũng như người đắc Định đều biết, vì sao? Vì tâm Định chẳng có giới hạn. Quý vị có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thể đắc Định. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, cảnh giới ấy liền hiện tiền, nên quý vị khởi tâm động niệm người ta thấy đều biết hết, không có gì chẳng biết!

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta dùng gì để cúng dường? Phải dùng “*tự tánh tự nghiêm*”, dùng điều này để cúng dường. Mười phương chư Phật, Di Đà, Thích Ca, không vị nào chẳng phải là vô lượng thọ, vô lượng quang, quang thọ gia trì hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới. Chúng ta chẳng thể cảm nhận là vì bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng, nghiệp của chính mình ngăn trở Phật quang, nên chúng ta chẳng thấy Phật

quang. Nhưng tôi phải thừa cùng quý vị, giáo pháp của Phật là quang minh. Kinh điển ở chỗ nào, Phật quang chiếu gọi ở nơi ấy. Mỗi lần quý vị niệm kinh này, Phật quang chiếu gọi nơi thân tâm của quý vị một lần. Quý vị niệm hai lần, liền chiếu hai lần. Chiếu một hai lần, quý vị vẫn chưa cảm nhận, vì sao? Nghiệp chướng của quý vị quá nặng. Nếu chiếu một ngàn lần, hai ngàn lần, ba ngàn lần, thừa cùng quý vị, quý vị liền cảm nhận được, vì sao? Nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ. Nhờ vào quang minh của Phật, dẫn phát quang minh trong tự tánh, khi ấy, quang minh trong tự tánh của quý vị và quang minh của chư Phật chẳng một, chẳng khác, kết hợp thành một Thể, quang minh chiếu lẫn nhau, dung nhập vào nhau viên dung. Phật quang ở trong tâm quang của quý vị, tâm quang của quý vị ở trong Phật quang, tâm quang của quý vị và Phật quang giao hòa, dung hội thành một Thể, quang minh ấy là trí huệ, lẽ nào trí huệ của quý vị chẳng mở mang? Lẽ nào nghiệp chướng không tiêu trừ? Vì sao phải khuyên chư vị đồng tu đọc kinh là do đạo lý này!

Sau khi nghe kinh, hiểu rõ đạo lý này, phải tu! Ta đã hiểu đạo lý, ta đã biết Phật pháp; sau khi đã biết, quý vị phải tu. Nếu quý vị không tu, vô dụng! Dùng phương pháp gì để tu? Trong ba năm, niệm bộ kinh này ba ngàn lượt, đó là tu hành. Trong ba năm, đừng xem bất cứ kinh nào khác, thâm hồi cái tâm lại, trong ba năm, quý vị tu gì? Tu tâm thanh tịnh. Tu Định trong cuộc sống, tuyệt đối chẳng phải là bảo quý vị mỗi ngày ngồi xếp bằng nhìn vào vách, bảo quý vị tĩnh tọa mấy tiếng đồng hồ, làm như vậy vô ích. Phải là trong cuộc sống, trong xử sự, trong đãi người, tiếp vật, tâm thanh tịnh, tâm địa chẳng nhiễm, lục căn tiếp xúc ngũ dục, lục trần mà chẳng nhiễm, đó là nhập Định chân thật. Chẳng phải là không tiếp xúc, [mà là] tiếp xúc nhưng chẳng nhiễm. Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động). “*Chẳng giữ lấy tướng*” là ta tiếp xúc mà chẳng chấp tướng: “*Ngoài chẳng chấp tướng, trong không động tâm*”. Trong tâm chẳng khởi tham, sân, si, mạn, trong tâm thanh tịnh, không dấy lên phiền não, ngoài chẳng chấp tướng, tu công phu ấy.

Thực hiện chẳng dễ dàng! Vì thế, tôi khuyên các đồng tu đừng đọc báo, đừng xem TV, những thứ ấy đều nhiều loạn tâm chúng ta. Thậm chí bảo quý vị chẳng cần đọc kinh, đọc kinh càng nhiều, phân biệt, chấp trước càng nhiều, tâm quý vị vẫn chẳng thanh tịnh. Tâm thật sự thanh tịnh, niệm một quyển kinh, niệm một câu A Di Đà Phật, tối thiểu ba năm; sau ba năm ấy, quý vị lại đọc hết thấy các kinh. Trước hết, quý vị định cái tâm trong ba năm, rồi sau đó mới lại nói [chuyện khác]. Nếu tâm chẳng định, vô

dụng! Hôm qua, có một sinh viên từ Phật Học Viện đến gặp tôi, anh ta nói đã học trong Phật Học Viện ba năm, sắp tốt nghiệp. Tôi hỏi anh ta: “Học những gì?” Học kinh này, luận nọ, kể cho tôi nghe một đống lớn. Anh ta hỏi tôi: “Thầy thấy sao?” Tôi nói: “Học quá nhiều! Tục ngữ Trung Hoa có câu ‘*tham nhiều, nhai không nát*’. Ở Phật Học Viện ba năm, trong ba năm ấy, nếu học một bộ kinh, bèn rất giỏi. Ba năm học mười bộ kinh thì một bộ cũng chẳng học hiểu”. Nếu ba năm học một bộ kinh, sẽ thật sự được thụ dụng. Nói thật ra, Phật pháp chẳng có bí quyết chi khác, chỉ là chuyên nhất. Chỉ cần quý vị chuyên, tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh bèn phóng quang!

“*Quang minh chiếu khắp*” của chư Phật, Bồ Tát là tâm quang. Tâm của chính chúng ta thanh tịnh thì cũng phóng quang, chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. Đó là Pháp Cúng Dường. Quang minh từ tâm địa của chúng ta và quang minh từ tâm địa của Phật dung nhập lẫn nhau, đó là chân thật cúng dường. Trong Pháp Cúng Dường, chuyện này là tột đỉnh, mà cũng là “*y giáo tu hành cúng dường*” như phẩm Hạnh Nguyện đã nói. Ngài chỉ nói “*y giáo phụng hành*”, còn ở đây là nói “*y giáo tu hành đến viên mãn tột bậc*”. Cúng dường viên mãn là như vậy đó.

(Sao) Tự không giả.

(鈔) 自空者。

(Sao: Tự không là...)

Giải thích câu “*tự tánh tự không, thị thực thời hoàn nghĩa*” (tự tánh tự không là ý nghĩa “trở về trong khoảng bữa ăn”).

(Sao) Tâm thể bản không, không vô lai vãng.

(鈔) 心體本空，空無來往。

(Sao: Tâm thể vốn là Không, Không thì chẳng có qua lại).

Trong Không, há có đến đi? Chẳng có đến hay đi! Có đến đi bèn chẳng Không. Trong Không chẳng có đến đi, chính là như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. “Có đến, có đi” bèn là hai vật, chẳng phải là chân tâm; trong vọng niệm mới có đến, đi. Đến, đi là pháp sanh diệt, tự tánh là bất sanh, bất diệt. Tự tánh chẳng phải là pháp hữu vi; đến, đi là pháp hữu vi. Vì thế, tự tánh vốn là Không. “*Bản Không*” chẳng phải là Không trong Không Hữu. Không trong Không Hữu vẫn là hai pháp, trong Phật pháp nó được gọi là Ngoan Không, chẳng phải là Bản Không, vì đối

lập của nó là Có. Nó (Ngoan Không) và Có được kiến lập tương đối, nên chẳng phải là Bỏ Không.

(Sao) Thị cố dĩ thực thời hoàn, liêu đối thử phương bạt thiệp nhĩ, thật tắc bất việt sát-na, hoàn quốc dĩ cánh.

(鈔) 是故以食時還，聊對此方跋涉耳，實則不越刹那，還國已竟。

(Sao: Do vậy, nói “trở về trong bữa ăn” là nói dựa theo cội này, chứ thật ra là chẳng đầy một sát-na đã trở về nước xong xuôi).

Điều khó nhất đối với chúng ta là trong hiện thời, [chúng ta] đối với thân thể này, đối với hình tướng này chấp trước quá mức; vì thế, chúng ta không có cách nào tiếp nhận các kinh Đại Thừa, nhất là kinh điển Nhất Thừa liễu nghĩa, nghe rồi không hiểu, làm sao có thể “nhất thời châu biến”? Thế nào là “bất việt sát-na” (chưa đầy một sát-na)? Sát-na là thời gian cực ngắn, làm sao có thể chưa đi đã trở về? Đạo lý này chính là: Chẳng có đi, chẳng có đến, không đến, không đi. Vì sao? Đi thì chẳng rời khỏi tâm của quý vị, mà đến cũng chẳng rời khỏi tâm của quý vị. Giống như quý vị nhìn vào màn hình TV, đến hay đi đều ở trong khuôn khổ của cái màn hình; ngoài khuôn khổ ấy ra, há có đến, đi? Đi đã ở nơi đây, mà đến cũng ở nơi đây, ở cùng một chỗ! Thấy dường như có đến, đi; thật ra, chẳng có đến, đi. Thấy có xa, gần; trên thực tế, chẳng có xa hay gần, đều ở trong màn hình. Ngàn dặm, vạn dặm, không gian, quá khứ, hiện tại, tương lai, thời gian, đều chẳng rời khỏi màn hình ấy. Màn hình ấy siêu việt thời gian và không gian, mười phương ba đời đều ở cùng một chỗ, kinh Hoa Nghiêm gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới. Nếu quý vị chẳng hiểu Nhất Chân pháp giới là gì, hãy xem kỹ TV, tưởng tượng màn hình TV là Nhất Chân pháp giới giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Nếu quý vị xem TV mà nhờ đó khai ngộ, TV cũng thuyết pháp! Quý vị mới hiểu thời gian và không gian như nhau, vạn pháp có cùng một Thể! Y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới trước mắt chúng ta quả thật giống như những hiện tượng này, do phàm phu chúng ta hư vọng, phân biệt, chấp trước mà sanh ra rất nhiều cảm nhận sai lầm!

(Diễn) Tâm thể bản không giả, dĩ tâm vô hình tướng, thập phương cầu chi, chung bất khả đắc cố.

(演) 心體本空者，以心無形相，十方求之，終不可得故。

(Diễn: Tâm thể vốn Không, do tâm không có hình tướng, nên mười phương cầu mà trọn chẳng thể đạt được).

Tâm tuy không có hình tướng, nhưng nó có thể biến hiện hình tướng. Tuy biến hiện hình tướng, nhưng hình tướng ấy chẳng thật, là giả tướng, huyễn tướng, Tâm Kinh gọi [các hình tướng ấy] là Sắc. “Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc”. Không là tâm thể vô tướng, Sắc là Tướng và Dụng (hiện tướng và tác dụng) của tâm thể. Thể không có hình tướng, vốn là Không; tướng và tác dụng của nó cũng vốn là Không, dầu có, vẫn là vốn Không. Vì thế, “Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc là Không, Không là Sắc”, là một, không hai. Nếu chúng ta thay đổi một chữ, Pháp Tướng Tông nói Tánh và Tướng, thì Tánh được Tâm Kinh gọi là Không, Tâm Kinh gọi Tướng là Sắc. “Tánh chẳng khác Tướng, Tướng chẳng khác tánh. Tánh là Tướng, Tướng là Tánh”, có cùng một ý nghĩa!

Nay chúng ta chấp trước giả tướng quá mức, nên tương phản với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh mà không biết, do mê mắt, coi Giả là Chân, hoàn toàn mê mắt Chân. Đã mê mắt chân tướng, bèn chuyên làm chuyện giả. Lục đạo luân hồi là giả, đúng là giả, nhưng nếu quý vị chẳng giác ngộ thì vẫn đau khổ thật sự trong cái giả ấy. Ví như nằm mộng, mộng là giả, mỗi tối gặp ác mộng, mỗi đêm khiếp sợ đến nổi khắp thân mướt mồ hôi lạnh, cuộc sống ấy cũng chẳng dễ sống! Luân hồi trong lục đạo là gặp ác mộng, quý vị tiếp tục gặp ác mộng, vĩnh viễn chẳng thể tỉnh giác, cũng là chuyện rất đáng thương xót! Chư Phật, Bồ Tát trông thấy, nói quý vị là “kẻ đáng thương xót”. Nếu là thật, đức Phật chẳng thể nói là “đáng thương xót”; do là giả, mà lại chịu tội ấy trong cái giả ấy, hứng chịu sợ hãi, nên rất đáng thương, là kẻ rất đáng thương xót!

“Thập phương cầu chi, chung bất khả đắc cố” (Mười phương cầu mà trọn chẳng thể được), chúng ta đích thực phải giác ngộ điều này, tâm bất khả đắc. Vừa mở đầu, kinh Lăng Nghiêm liền nói sự thật này. Lại thưa cùng quý vị, tìm tâm chẳng thấy, mà Sắc cũng chẳng tìm thấy, tâm không thể được, Sắc cũng chẳng thể được. Quý vị chớ có nghĩ sắc tướng của hết thảy vật chất là có thể đạt được; giả trát, chẳng thể được! Nay quý vị có của cải, có hết thảy những thứ vàng, bạc, vật báu trong thế gian này, vinh dự, địa vị, quý vị nghĩ chính mình đã đạt được. Giả trát! Chẳng thật! Chẳng phải là sau khi đã chết mới biết là giả, do chẳng thể mang theo thứ gì! Đến khi ấy mới giác ngộ, đã trễ quá rồi! Trên thực tế, mỗi đêm quý vị đều chết

một lần. Khi quý vị ngủ, chẳng phải là giống như người đã chết hay sao? Quý vị ngẫm xem, khi quý vị ngủ say, người ta khiêng thân thể quý vị đi, quý vị cũng chẳng biết! Khi ngủ say, thứ gì là quý vị? Quý vị vẫn chẳng giác ngộ u? Người chết bất quá là ngủ không thể thức dậy đó thôi! Mỗi ngày đều phải chết một lần, rất đáng sợ! Trong Phật pháp có nói khai ngộ, ngộ gì vậy? Ngộ điều này, thật sự hiểu chân tướng, giác ngộ sự thật này. Hết thấy các pháp trong thế gian này, nếu quý vị nói cái này là của ta, cái kia là của ta, đức Phật trông thấy, sẽ quở “*kẻ si nói chuyện trong mộng*”. Chẳng sai tí nào! Xác thực là nói mới! Đừng nói vật ngoài thân chẳng phải là của quý vị, thân thể cũng chẳng phải! [Biết như vậy thì] mới thật sự hiểu bốn câu trong Tâm Kinh đôi chút, thân thể là sắc tướng, “*Sắc chẳng khác Không*”, chẳng khác gì Không! Sắc là Không, chẳng thể được!

Biết chân tướng sự thật này, chư vị phải biết, phải giác ngộ: Ta chẳng dùng giả tướng này để tạo tội nghiệp nữa, làm như vậy chẳng đáng! Quý vị dùng giả tướng để tạo tội nghiệp thì nói cách khác, mỗi ngày quý vị đang làm gì? Tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo. Nay quý vị đang làm gì? Nay đang tạo tác ba ác đạo, nay đang tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, phàm phu hằng ngày làm chuyện này. Người thật sự giác ngộ, người triệt để giác ngộ, làm gì? Ta hôm nay làm chuyện để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay ta đánh điện báo tới A Di Đà Phật, cùng Ngài giao tiếp qua lại. Quý vị niệm một câu Phật hiệu, mỗi tiếng đều có cảm ứng, khác hẳn! Một đảng là quyết định vãng sanh thành Phật, một đảng là quyết định phải luân hồi trong tam đồ lục đạo, làm sao giống nhau cho được? Phải thật sự giác ngộ điều này! Vì thế, không chỉ là tâm thể chẳng thể được, mà Tướng Phần của tâm và tác dụng của tâm thấy đều chẳng thể được!

(Diễn) *Không vô lai vãng giả, tất cánh không trung, vô hình, vô trụ, vô xứ, vô trước, bất động, bất khởi cố.*

(演) 空無來往者，畢竟空中，無形無住，無處無著，不動不起故。

(Diễn): “*Không chẳng có qua lại*”: Trong rốt ráo không, chẳng có hình tướng, chẳng có trụ, không có nơi chốn, không chấp trước, chẳng động, chẳng khởi).

Phần “*mười phen hiển rõ tánh Thấy*” trong kinh Lăng Nghiêm đã nói rõ chân tướng sự thật này. Kinh văn đã nêu ra sự tướng này rất rõ ràng: “*Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*” (Sanh ra từ nơi đâu, sẽ diệt mất

từ nơi đó). Quý vị có thể thấu hiểu ý nghĩa này thì mới hiểu cái thân hiện tiền này bất sanh, bất diệt, chẳng có sanh diệt, mà cũng là chẳng có sanh tử! Quý vị bèn chẳng sợ hãi sanh tử, chẳng sợ hãi tí nào, vì sao? Không có, giả mà! Tâm Kinh có nói: Lìa hết thấy sợ hãi, lìa hết thấy điên đảo!

(Sao) Tự trụ giả.

(鈔) 自住者。

(Sao: “Tự trụ” là...)

Giải thích câu “*tự tánh tự trụ, thị bốn quốc nghĩa*” (tự tánh tự trụ là ý nghĩa của “nước mình”).

(Sao) Tâm nguyên trạm tịch, thường trụ bất thiên, thị đương nhân cố hương điền địa, an thân lập mạng xứ.

(鈔) 心源湛寂，常住不遷，是當人故鄉田地，安身立命處。

(Sao: Nguồn tâm trong lặng, thường trụ, chẳng đổi dời, đó là ruộng đất nơi quê nhà, là chỗ để an thân lập mạng).

Trong kinh Lăng Nghiêm, đoạn này được đức Phật nói là “*thường trụ chân tâm*”, mà cũng là “*nên trụ vào đâu*” như trong kinh Kim Cang đã nói. Trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật nêu lên hai câu hỏi: “*Vân hà hàng phục kỳ tâm? Ứng vân hà trụ?*” (Hàng phục cái tâm như thế nào? Nên trụ như thế nào?). Hàng phục cái tâm thì tâm đó là vọng tâm, nay chúng ta nói là “vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều”, dùng phương pháp gì để có thể hàng phục nó, đoạn trừ nó? Đây là một vấn đề lớn. Vấn đề thứ hai là ta phải đặt tâm ở nơi đâu thì mới thật sự yên ổn? Phải tìm một trụ xứ. Trong bộ kinh Kim Cang, đức Phật đã giải đáp hai vấn đề này. Quý vị đều niệm kinh Kim Cang rất thuộc, hàng phục vọng tâm như thế nào? Tâm trụ ở chỗ nào? Đều chẳng biết! Như vậy là đã uổng công niệm kinh ấy mất rồi! Nếu thật sự biết niệm kinh ấy, sẽ kiếm được câu trả lời cho hai vấn đề ấy. Ở đây, ngôn từ đơn giản, nhưng ý nghĩa trọn khắp, văn tự chẳng nhiều, nhưng giảng rất rõ ràng, mà cũng giảng rất viên mãn, có thể dùng làm chú giải cho kinh Kim Cang.

“*Tâm nguyên trạm tịch, thường trụ bất thiên*”, tâm này là chân tâm. Lục Tổ đại triệt đại ngộ, đã hiểu chân tướng sự thật này, lão nhân gia nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn thanh tịnh*”, ở đây tự tánh được gọi là “*tâm nguyên*”

(nguồn tâm). Chân tâm là cội nguồn của hết thủy vạn vật, vạn pháp; hết thủy vạn sự vạn vật đều từ tâm này lưu hiện. Vì thế, Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, có thể sanh ra vạn pháp thì chính là nguồn cội của vạn pháp, nên gọi là “*tâm nguyên*”. Nó như thế nào? Trạm tịch, thường trụ. Hai chữ “*trạm tịch*” là hình dung từ. Trạm (湛) là thanh tịnh, thanh tịnh đến tột bậc, giống như chúng ta nhìn vào một ao nước trong, chẳng có tí ô nhiễm nào. Tuy ao rất sâu, nhưng nhìn từ trên mặt, chúng ta liền thấy ngay đáy ao, thấy rõ những bùn cát dưới đáy, đó là Trạm. Trạm là chân tâm chẳng có nhiễm ô, quyết định chẳng bị nhiễm ô. “*Tịch*” (寂) là bất động, không lay động. “*Trạm*” là thanh tịnh. “*Trạm tịch*” là thanh tịnh, bất động, chân tâm chưa hề động. Chư Phật, Bồ Tát là như thế, mà chân tâm chúng ta cũng giống như vậy. Trong tâm chúng ta loạn cào cào, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm của quý vị chưa hề động. Phật, Bồ Tát thấy chân tâm của hết thủy chúng sanh, nên các Ngài mới nói: “*Hết thủy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, vì sao? Vì chân tâm của quý vị trạm tịch, thường trụ, chẳng đổi dời, chẳng khác gì các Ngài. Động là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Phật, Bồ Tát cao minh hơn chúng ta vì các Ngài chẳng có vọng tâm, chân tâm hoàn toàn hiển lộ.

Chân tâm của chúng ta có hiển lộ hay không? Hiển lộ giống hệt, chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát. Tuy hiển lộ, nhưng trên ấy lại kèm theo một tầng vọng, kinh Lăng Nghiêm gọi [điều ấy] là “*đôi vọng chi chân*” (chân kèm theo vọng), vì vọng do chân khởi lên; không có chân, vọng do đâu mà có? Giống như chúng ta dùng mắt để thấy, mắt của chúng ta là Chân, tượng trưng cho Chân Như bốn tánh, [hay còn gọi là] chân tâm, hoặc tâm nguyên. Chân tâm dấy lên tác dụng, thấy những thứ bên ngoài rành mạch. Vọng là gì? Ta đeo mắt kiếng màu, đeo kính râm màu đen, thấy bên ngoài đều đen xì, ai khởi tác dụng? Vẫn là chân tâm khởi tác dụng. Chân tâm xuyên qua vọng, thấy sắc tướng bên ngoài khác nhau. Phật, Bồ Tát không đeo mắt kiếng, mỗi kẻ phàm phu chúng ta đều đeo mắt kiếng, do mắt kiếng có màu sắc khác nhau, độ dày cũng khác nhau, bèn thấy mỗi thứ khác nhau, cho nên mọi người mới tranh cãi! Ta thấy là đen, kẻ khác nhìn: “*Ta thấy rõ ràng là đỏ*”, hai người sẽ cãi lầy! Nếu mọi người đều bỏ mắt kiếng ra, chẳng còn cãi lộn nữa, vì sao? Thấy màu sắc như nhau! Mỗi cá nhân có cách nhìn và cách nghĩ đối với vũ trụ và nhân sinh khác nhau do mang mắt kiếng có màu khác nhau, cường độ ánh sáng khác nhau, nên mới tạo thành lăm nổi phiền phức. Chuyện là như vậy đó.

(Diễn) *Tâm nguyên trạm tịch thường trụ bất thiên giả, tâm nguyên, vị nhiễm tâm chi nguyên, tức tánh tịnh dã.*

(Động) 心源湛寂常住不遷者，心源，謂染心之源，即性淨也。

(Diễn): “Nguồn tâm trong, lặng, thường trụ, chẳng dòi”: Nguồn tâm là cội nguồn của cái tâm ô nhiễm, chính là tánh thanh tịnh).

“Tâm nguyên” chỉ cội nguồn của vọng tâm, cũng là căn nguyên của hết thảy vạn sự, vạn vật, căn nguyên là gì? “Tánh tịnh dã” (Là tánh thanh tịnh), cũng là chân tâm, là Chân Như bản tánh.

(Diễn) *Hựu, thô tướng chi nguyên, tức sanh tướng dã.*

(Động) 又粗相之源，即生相也。

(Diễn): Lại nữa, cội nguồn của thô tướng chính là sanh tướng).

“Sanh tướng” là nói đến sanh tướng vô minh. Giải thích sanh tướng vô minh như thế nào? Tướng là hình tướng của muôn vật, là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sanh ra các tướng ấy. Nói thật ra, “sanh tướng” là nói đến chuyện này, cũng chính là Sanh như Lục Tổ đã nói “có thể sanh ra vạn pháp”. Ở đây, gọi là “sanh tướng”. Ngài nói “sanh ra vạn pháp”. Vạn pháp sanh từ đâu? Sanh từ tự tánh. “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Ở chỗ này gọi nó là “tâm nguyên”, vạn pháp do đâu sanh ra? Tướng sanh từ đâu? Sanh từ tâm nguyên; tâm là căn nguyên, bản nguyên của hết thảy sanh tướng.

(Diễn) *Thử tại Phật địa, phương liễu kỳ nguyên.*

(Động) 此在佛地，方了其源。

(Diễn): Đạt đến địa vị Phật mới hiểu thấu suốt cái nguồn cội ấy).

Do vậy, thấu triệt nguồn pháp là ai? Phật mới có thể làm được. Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, nên vẫn chưa thể thấu triệt nguồn pháp. Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát còn chưa về nhà, vẫn chưa về đến nhà, còn kém chút ít. Khi một phẩm sanh tướng vô minh đã đoạn, bèn về tới nhà. Ở đây, gọi “nhà” là “bốn quốc”. “Hoàn đảo bốn quốc” là trở về tận cội nguồn, câu này và câu “bốn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra” như Thiên Tông thường nói có cùng một ý nghĩa.

(Diễn) Nhược Pháp Thân đại sĩ, giác vị chí nguyên, do hữu sanh tướng.

(演) 若法身大士，覺未至源，猶有生相。

(Diễn: Nếu là Pháp Thân đại sĩ thì do chưa giác đến tận nguồn, nên hãy còn có sanh tướng).

“Pháp Thân đại sĩ” ở đây chẳng phải là nói những vị Pháp Thân đại sĩ bình phàm. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Thân đại sĩ có bốn mươi một địa vị. Hoa Nghiêm là Viên Giác, Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, bèn gọi là Pháp Thân đại sĩ, mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát đã phá bốn mươi phẩm vô minh, còn sót một phẩm sanh tướng vô minh. Pháp Thân đại sĩ được nói ở đây là Đẳng Giác Bồ Tát, “*giác vị chí nguyên, do hữu sanh tướng*”: Ngài còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, nên có sanh tướng.

(Diễn) Động bỉ tĩnh tâm, nghiệp thức khởi diệt, cố bất vân thường trụ.

(演) 動彼靜心，業識起滅，故不云常住。

(Diễn: Do động cái tâm tĩnh lặng ấy, nghiệp thức dậy lên, diệt mất, nên chẳng nói là “thường trụ”).

Ngài có một phẩm sanh tướng vô minh, tâm vẫn chưa thật sự thanh tịnh, vẫn chưa hoàn toàn trạm tịch, hãy còn động hết sức nhẹ nhàng. Do điều này có thể biết, chẳng động tâm là chuyện rất khó khăn, đã thành Phật mới là thật sự bất động. Trong tâm Pháp Thân đại sĩ, lưu động vô cùng vi tế, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giác Bồ Tát về căn bản chẳng có cách nào cảm nhận, chẳng cảm nhận tâm Ngài (Pháp Thân đại sĩ) đang động. Tâm ấy vi tế lắm, chỉ có Phật biết. Người có công phu như vậy vẫn chưa gọi là “*thường trụ*”.

(Diễn) Chí sanh tướng đô tận, vô minh phong chỉ, tánh hải lãng hiết, trạm nhiên, thường trụ dã.

(演) 至生相都盡，無明風止，性海浪歇，湛然常住也。

(Diễn: Tới khi sanh tướng đã hết, gió vô minh ngừng thổi, biển tánh sóng lặng, lặng trong, thường trụ).

Ý nghĩa “*thường trụ*” sâu lắm, phải chứng Phật quả trong Viên Giáo mới là ý nghĩa “*thường trụ, chẳng dời, thường trụ chân tâm*”, mới đạt đến ý nghĩa này. Đó là “*hoàn đảo bốn quốc*”, là Cực Lạc rất ráo, mà cũng là mục tiêu tối chung cực trong sự học Phật của chúng ta. Nếu chúng ta muốn đạt tới mà lìa khỏi thế giới Cực Lạc, sẽ chẳng có cách nào thực hiện được! Nếu lìa khỏi thế giới Cực Lạc mà có thể làm được, chư vị ngẫm xem, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát cần gì phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở trong thế giới Hoa Tạng, lẽ ra các Ngài có thể làm được, vì sao lại phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nói theo lý luận, trong thế giới Hoa Tạng có thể làm được, nhưng phải sợ tốn thời gian rất dài, đến thế giới Cực Lạc liền làm rất nhanh, nên các Ngài mới phải đến đó. Không chỉ là hai người các Ngài, mà còn khuyến tất cả Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều đi. Quý vị nghĩ xem, các Ngài đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Là vì chuyện này, vì phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, đến đó để chứng chân tâm thường trụ trạm tịch, vì những điều ấy mà vãng sanh. Trừ những điều này ra, nói thật thà, chẳng có lý do gì để các Ngài đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; lý do duy nhất là như vậy.

(Diễn) *Nhiên thử thị ước sanh diệt môn thuyết.*

(演) 然此是約生滅門說。

(Diễn: *Nhưng đây là nói theo sanh diệt môn.*)

Trong đoạn trên đây, nói theo kiểu ấy là nói theo ý nghĩa sanh diệt, đó là gì? Nói theo kiến giải của phàm phu và Nhị Thừa. Nói cách khác, nói theo phía người mê mất tự tánh, đó là chân thật, chẳng dối!

(Diễn) *Nhược ước Chân Như môn, tác tụng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng, vô hữu biến dị, bất khả phá hoại, trạm nhiên thường trụ dã.*

(演) 若約真如門，則從本以來，離諸名相，無有變異，不可破壞，湛然常住也。

(Diễn: *Nếu ước theo Chân Như môn, ắt từ đầu đến nay, lìa các danh tướng, chẳng có đổi khác, không thể phá hoại, lặng trong, thường trụ.*)

Nói theo Chân Như hoặc chân tánh, trước nay chưa hề động. Nói theo Chân Như Môn là nhìn bằng kiến giải của Phật, bèn thấy tất cả hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn thành Phật*”, đó là nói theo Chân Như Môn. Nói quý vị nay đang là sanh tử phàm phu, là kẻ đáng thương xót, tức là nói theo Sanh Diệt Môn. Chân Như Môn là Chân Đê, Sanh Diệt Môn là Tục Đê.

(Sao) Kim Cang kinh hoàn chí bốn xứ, tức thử kinh hoàn đáo bốn quốc dã, thử chi vị vụ bốn.

(Diễn) Kim Cang bốn xứ, tức thử kinh bốn quốc giả.

(鈔) 金剛經還至本處，即此經還到本國也，此之謂務本。

(演) 金剛本處，即此經本國者。

(Sao: “Về đến chỗ mình” trong kinh Kim Cang chính là “trở về nước mình” trong kinh này, đó là nói “chú trọng cái gốc”.

Diễn: “Chỗ mình” trong kinh Kim Cang chính là “nước mình” trong kinh này).

“*Kim Cang bốn xứ*”: Mở đầu Tự Phần của kinh Kim Cang, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đi khát thực trong nước Xá Vệ. Sau khi khát thực xong, trở về chỗ mình¹. “*Kim Cang bốn xứ, tức thử kinh bốn quốc giả*”: Thích Ca Mâu Ni Phật đi [khát thực] xong, trở về chỗ Ngài trụ, thể hiện ý nghĩa gì? Trở về chỗ tự tánh trạm nhiên tịch diệt, có ý nghĩa này. Nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, [đọc kinh văn sẽ hiểu] Thích Ca Mâu Ni Phật đi khát thực xong, quay về, quay trở lại nơi đâu? Trở về Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên. Như vậy là quý vị hoàn toàn chẳng hiểu ý nghĩa của Như Lai, hoàn toàn chẳng hiểu ý nghĩa chân thật của Như Lai. Do đó, thuở Thích

¹ Kinh Kim Cang chép: “*Như thị ngã văn, nhất thời, Phật tại Xá Vệ quốc Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bốn xứ, phạn thực ngật, thân y bát, tấy túc dĩ, phu tòa nhi tọa*” (Ta nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc, cùng với các vị đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp. Khi ấy, đức Thế Tôn vào giờ ăn, đắp y, cầm bát, vào đại thành Xá Vệ khát thực. Ở trong thành, Ngài lần lượt khát thực, trở về chỗ mình, dùng cơm xong, cất y, bát, rửa chân xong xuôi, bèn trải tòa ngồi).

Ca Mâu Ni Phật trụ thế, không chỉ là miệng giảng kinh, thuyết pháp, mà mỗi cử chỉ, mỗi động tác của Ngài đều nhằm giảng kinh, thuyết pháp.

Phật là thân, ngữ, ý ba nghiệp thuyết pháp, toàn thân thuyết pháp, làm sao chúng ta có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Nay chúng ta xem kinh điển, do xem chẳng hiểu, bèn tùy tiện phê bình, chỗ này trật, chỗ kia chẳng hợp lý, phải nên sửa như thế nào, hết cách nói!

Trong các buổi giảng, chúng tôi thường cảnh tỉnh các đồng tu, kinh Phật có ý nghĩa hay không? Chẳng có ý nghĩa! Vì sao? Vì Phật chẳng thuyết pháp! Nếu Phật có thuyết pháp, quý vị có thể phê bình, sửa sai Ngài. Đức Phật chẳng thuyết pháp, một chữ cũng chẳng nói, quý vị phê bình vào đâu? Quý vị sửa đổi từ chỗ nào? Phải hiểu ý nghĩa sâu xa này, phải hiểu mật nghĩa này, Phật là “*nói mà không nói, không nói mà nói*”, ý nghĩa ấy mới sâu! Phải như thế nào thì chúng ta mới có thể lãnh hội ý nghĩa chân chánh trong kinh điển? Nhất định phải là “*nghe mà không nghe, không nghe mà nghe*” thì quý vị mới hiểu ý nghĩa của Ngài. Ý nghĩa của Ngài hoàn toàn ở ngoài ngôn ngữ, ngoài sự suy tưởng của quý vị, quý vị không thể nghĩ tưởng. Do đó, chẳng thể nghĩ, chẳng thể nói, chỉ lãnh hội ý nghĩa. Khi quý vị lãnh hội, cũng chẳng thể thốt lên lời, cũng chẳng có cách nào suy tưởng, quý vị thật sự nhờ vào những lời lẽ của Như Lai để dẫn khởi trí huệ và công đức trong tâm tánh của chính mình hiển lộ. Kinh Phật là như vậy mà thôi!

Do đó, Phật có độ chúng sanh hay không? Chẳng độ! Chính quý vị tự độ mình! Kinh Kim Cang nói: “*Độ vô lượng vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đặc độ giả*” (Độ vô lượng vô biên chúng sanh, nhưng thật sự chẳng có chúng sanh đặc độ), là đạo lý này! Vì sao thật sự chẳng có chúng sanh? Mỗi người đều là tự độ, tự chứng, Phật bất quá làm Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh mà thôi! Phật tánh tỏa quang minh, tâm chúng ta không có quang minh, nhờ vào quang minh của kinh điển để thấp sáng quang minh nơi tâm tánh của chính mình, chẳng khác gì Phật! Do đó, “*bốn xứ*” được nói trong kinh Kim Cang có ý nghĩa sâu lắm!

(Diễn) Như Khởi Tín ngôn Bản Giác, Lăng Nghiêm ngôn Bản Tâm, Phạm Võng ngôn Bản Nguyên, Viên Giác ngôn Bản Tế, giai chỉ tự tánh nhi ngôn dã. Bốn xứ, bốn quốc, hà độc bất nhiên?

(演) 如起信言本覺，楞嚴言本心，梵網言本源，圓覺言本際，皆指自性而言也。本處本國，何獨不然。

(Diễn: Như luận Khởi Tín nói Bốn Giác, Lăng Nghiêm nói Bốn Tâm, Phạm Võng nói Bốn Nguyên, Viên Giác nói Bốn Tế, đều là nói về tự tánh. Sao riêng bốn xứ và bốn quốc lại chẳng phải là như vậy?)

Khởi Tín Luận nói Bốn Giác, kinh Lăng Nghiêm nói Bốn Tâm, kinh Phạm Võng nói Bốn Nguyên, kinh Viên Giác nói Bốn Tế, danh từ khác nhau, nhưng đều cùng nói về một chuyện, “*giai chỉ tự tánh nhi ngôn*” (đều là nói về tự tánh), tự tánh của đương nhân, tức là tự tánh của chính chúng ta. Sau khi quý vị hiểu rõ, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở chỗ nào? Thế giới Cực Lạc ở trong tâm tánh của chúng ta, “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, tự và tha như nhau, thân và cõi nước như nhau. Thế giới Cực Lạc là cõi nước Cực Lạc, thân chúng ta và thế giới là một, không hai, thân và cõi nước như một. Kinh Hoa Nghiêm nói “*tình và vô tình, đồng viên Chung Trí*”, mang ý nghĩa này. “*Bốn xứ, bốn quốc, hà độc bất nhiên?*” (Sao riêng chỗ mình và cõi mình lại chẳng phải là như vậy?). Kinh Kim Cang nói bốn xứ, kinh Di Đà nói bốn quốc, đều nhằm ý nghĩa này.

(Diễn) Thử chi vị vụ bốn giả, Luận Ngữ vị: “*Quân tử vụ bốn*”, *nhiên dĩ dĩ hiếu dĩ vi bốn, vị chân vụ bốn dã.*

(演) 此之謂務本者，論語謂：君子務本。然彼以孝悌為本，未真務本也。

(Diễn: “Đó gọi là chú trọng cái gốc”, Luận Ngữ nói: “*Quân tử chú trọng cái gốc*”, nhưng họ (Nho gia) coi hiếu đễ là gốc, chưa phải là chú trọng cái gốc chân chánh).

“*Thử chi vị vụ bốn giả*”, Khổng lão phu tử có nói với mức độ sâu như thế hay không, chẳng biết! Nhưng qua sự giải thích của Phật pháp, Luận Ngữ của Khổng lão phu tử cũng trở thành giống như kinh Phật. Không chỉ là kinh Phật, mà còn là kinh điển Đại Thừa, kinh điển Nhất Thừa, đúng như trong Phật môn đã nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Khổng lão phu tử nói: “*Quân tử vụ bốn, bốn lập nhi đạo sanh*” (Quân tử chú trọng cái gốc, gốc đã lập thì đạo sanh), nhưng các học giả Nho gia trải các đời giải thích câu này rất nông cạn, còn trong Phật môn chúng ta, rất tuyệt diệu, giải thích vô cùng sâu xa. Luận Ngữ nói: “*Quân tử vụ bốn, bốn lập nhi đạo sanh*”, Bốn là gì? Chính là Bốn Xứ trong kinh Kim Cang, là Bốn Quốc trong kinh Di Đà, nói thực tại là Trạm Tịch Tâm Nguyên. Nếu chúng ta hỏi, có phải là Khổng lão phu tử nói ý nghĩa này hay không? Nói thật ra, đúng là ý nghĩa này, bất quá phu tử chẳng nói cặn kẽ, chỉ nhắc đến

mà thôi! Vì nếu chúng ta đối chiếu những giáo huấn của Không lão phu tử với Đại Thừa Phật pháp thì nói thật sự đúng là như nhau!

Chẳng hạn như Đại Thừa Phật pháp được kiến lập trên cơ sở Bồ Đề tâm. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng Bồ Đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm*”, Không lão phu tử giáo học cũng dùng những điều này làm cơ sở. Trong phần Tam Cương Bát Mục của sách Đại Học, Ngài đã nói: “*Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm*”, thành ý là chí thành tâm, chánh tâm là thâm tâm, là đại bi tâm. Đức Phật nói ba tâm, Không Tử nói hai tâm. Thành ý là chân tâm, là bản thể của chân tâm. Chánh tâm là thành ý khởi tác dụng, thành ý khởi tác dụng bèn là chánh tâm. Đức Phật nói cặn kẽ hơn, chí thành tâm khởi tác dụng, một là đối với chính mình thì là Tự Thụ Dụng, tức thâm tâm. Một là đối đãi với kẻ khác, tức Tha Thụ Dụng, là đại bi tâm, đối đãi kẻ khác bằng đại từ đại bi. Không lão phu tử hợp thâm tâm và đại bi tâm thành một, gọi là Chánh Tâm. “*Cách vật*” là đoạn Phiền Nã Chướng, “*trí tri*” là đoạn Sở Tri Chướng, trừ hai chướng thì ý mới thành! Có Nhị Chướng, ý làm sao có thể thành cho được? Nhà Phật nói quý vị phải đoạn Phiền Nã Chướng, phải phá Sở Tri Chướng, Bồ Đề tâm mới hiện hành. Quý vị thấy có khác gì Không lão phu tử đã nói? Đúng là như nhau. Nhìn từ chỗ này, “*quân tử vụ bốn*” được nói trong chương Học Nhi của sách Luận Ngữ xác thực là có cùng một ý nghĩa, Bốn là thành ý, chánh tâm.

“*Bốn lập nhi đạo sanh*” (Gốc đã lập, đạo bèn sanh), “*đạo*” là gì? Đạo là quy luật của vạn pháp trong vũ trụ, là quá trình và trình tự diễn biến, nó (vũ trụ) rất có trật tự. Do đó, nếu con người thuận theo trình tự ấy của tự nhiên, sẽ tương ứng với tự tánh, chẳng vi phạm. Nho gia nói Ngũ Luân, Thập Nghĩa, đó là nhân đạo. Từ bi, phương tiện, lục độ, vạn hạnh là Bồ Tát đạo! Khuyến người ta niệm một câu A Di Đà Phật là đạo thành Phật! Câu A Di Đà Phật chẳng phải là Bồ Tát đạo, Bồ Tát đạo là lục độ, vạn hạnh. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật là Phật đạo, vô thượng chánh đạo! Chư vị phải hiểu ý nghĩa này. Tam phước trong Quán Kinh, cuối cùng nói về Bồ Tát “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*”. Tin sâu nhân quả là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Vì lẽ đó, niệm một câu A Di Đà Phật này, quý vị tu đạo gì? Tu Phật đạo, tức là đạo thành Phật. Quý vị hãy suy ngẫm, điều này có trọng yếu hay không? Quý vị tu Lục Độ, tức là tu Bồ Tát đạo. Quý vị mỗi ngày tinh toa nhập định là tu Tiểu Thừa đạo. Mỗi ngày làm chuyện tốt, giúp đỡ người khác rất nhiệt tâm, đi khắp nơi bố thí, cúng dường, quý vị tu nhân thiên đạo,

thầy đều phải hiểu rõ ràng! Mỗi ngày quý vị đang làm gì, tu đạo gì? Điều phải hiểu rành mạch, rõ ràng.

Quân tử chú trọng cái gốc, “*nhiên bỉ dĩ hiếu để vi bốn, vi chân vụ bốn dã*” (nhưng họ lấy hiếu để làm gốc, chưa phải là chú trọng cái gốc chân chánh), đây là Khổng lão phu tử nói nông cạn, lấy hiếu để làm gốc. Tuy là nông cạn, vẫn giống như Phật pháp đã giảng. Trong Tam Phước, Tam Phước là căn bản tu hành, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã giảng rất rõ ràng, minh bạch. Câu đầu tiên trong Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Hiếu để: Tu học Phật pháp cũng kiên lập trên căn bản này. Chư vị hãy suy ngẫm, nếu chúng ta khởi ác niệm, làm chuyện xấu, đó là bất hiếu, có lỗi với cha mẹ, có lỗi với sư trưởng. Vì thế, người thật sự hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, sẽ chẳng khởi một ác niệm, sẽ không làm một chuyện xấu nào, vì sao? Người ấy thường nghĩ: Ta chớ nên làm cho cha mẹ, sư trưởng thất vọng, ta chẳng thể làm những chuyện khiến cho cha mẹ sư trưởng chẳng còn mặt mũi, mất mặt, làm những chuyện ấy thì còn gì là hiếu thuận nữa! Đạo Nho kiên lập trên cơ sở hiếu đạo, Phật đạo cũng kiên lập trên cơ sở này. Do vậy, để bắt đầu tu căn bản, quý vị thật sự chú trọng cái gốc, thì phải bắt đầu thực hiện từ chỗ này. Đó là khởi đầu, khởi sự, chẳng phải là mục tiêu, mục đích. Bồn Quốc hoặc Bồn Xứ được nói ở nơi đây là nói đến chuyện “*về đến nhà*”, đạt đến mục đích. Nho gia nói “*hiếu để làm gốc*” là bắt đầu tiến hành, tinh tấn hướng đến cội nguồn; một đằng là nói về khởi sự, một đằng là nói đã “*về đến nhà*”. Sai biệt ở chỗ này, có thể nói cả hai đều là căn bản.

(Diễn) *Tất dã liễu vạn pháp chi phi chân, đạt bốn nguyên chi nhất trí, đãng sanh diệt chi vọng kế, hội thường trụ chi chân tâm, phản bốn hoàn nguyên, vi chân vụ bốn dã.*

(演) 必也了萬法之非真，達本源之一致，蕩生滅之妄計，會常住之真心，返本還源，為真務本也。

(Diễn: *Ắt phải là liễu giải vạn pháp chẳng thật, thấu đạt nguồn cội vốn nhất trí, trừ sạch so đo sanh diệt làm lạc, thấu hiểu chân tâm thường trụ, quay trở lại cội nguồn, đó là chú trọng cái gốc chân chánh.*

Đây là nói đến căn bản “*về đến nhà*”, bắt đầu từ nơi đâu? Phải từ hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp, phải tiến hành từ Tam Quy, trì giới, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích hành giả, bắt đầu từ chỗ này. Gốc đã lập, đạo mới sanh! Đó là căn bản, cái gốc đã lập; sau khi đã lập, Bồ Tát đạo và

Phật đạo tự nhiên thông đạt, lúc nào, chỗ nào, tâm niệm cũng đều là Nhất Thừa Phật đạo, sẽ chẳng lạc lối! Hôm nay chúng tôi nói đến chỗ này!